

Bài 175. Kinh Tăng Chi | Chương Sáu pháp | Phẩm Chư Thiên - Devatāvaggo | Sư Giác Nguyên giảng 3/6/2019

BÀI KINH 64 - TIẾNG RỔNG CON SƯ TỬ (tt)

Kính thưa đại chúng, hôm nay các vị có nghe rõ không?

Chúng tôi ôn lại một tí bài trước do hôm qua bị trục trặc kỹ thuật. Các vị vào Trung Bộ Kinh, bài Đại Kinh Sư Tử Hống. Trong đó Đức Phật Ngài dạy 10 sức mạnh tinh thần của một Đức Phật, gọi là Thập lực. Giống như người có đầy đủ tiền bạc, sức khỏe, uy tín, với 10 sức mạnh đó, đi vào hội chúng nào thì cũng cảm thấy tự tại, an tâm, không e dè, khiếp sợ. Có sức khỏe, tiền bạc, học vị, uy tín, chức vụ, quyền lực, thì có 5 cái này, đi vào bất cứ hội chúng nào cũng cảm thấy an lòng, tự tin.

Khi một vị Chánh Đăng Chánh Giác hội đủ 10 sức mạnh tinh thần thì Ngài có thể có mặt ở vô lượng vũ trụ, ở tất cả hội chúng chư Thiên, Ma vương, Phạm Thiên, Sa môn, Bà la môn, những đại gia, tướng lãnh, triều thần, vua chúa, công hầu, khanh tướng, đối với Ngài không thành vấn đề. Hoảng Pháp là lấy trí, đức của mình để dạy đời thì đâu có cần cái này cái kia, đúng không? Nhưng kẹt ở chỗ nếu không đủ đức độ thì làm sao đi vào các hội chúng. Mà có những người trí tuệ rất nhiều, phước báo, quyền lực rất nhiều nên họ khó có lòng kính tin lắm. Cho nên một vị Phật hội đủ tất cả các điều kiện để làm cha lành ba cõi, làm thầy dạy chư Thiên và loài người.

Trong Đại Kinh Sư Tử Hống, Đức Phật kể 10 trí riêng của Đức Như Lai. Nhưng riêng trong Kinh này Ngài kể có 6 thôi. Nhưng 6 cái này bao trùm luôn 10 cái kia, chênh lệch 6/10 nhưng nội dung không khác nhau.

1. Trí thứ nhất là Thị xứ phi xứ lực.

Nghĩa là Đức Phật Thích Ca Mâu Ni nói riêng và Đức Phật ba đời mười phương nói chung, các Ngài có trí Thị xứ phi xứ lực. Có nghĩa các Ngài biết rất rõ cái gì hợp lý, cái gì vô lý, cái gì có thể xảy ra và cái gì không thể xảy ra.

Như hôm qua tôi có giải thích, ở một vị Thịnh Văn, La hán bình thường, các ngài cũng biết rất nhiều chuyện cái gì có thể, cái gì không thể. Thí dụ các ngài biết vạn hữu ở đời do duyên mà có, có rồi phải bị mất. Các ngài biết làm lành luôn dẫn đến quả vui, hỷ lạc; làm ác luôn dẫn đến quả khổ, ưu. Các ngài biết rất rõ là có chứng đắc thiên định thì mới về cõi Phạm Thiên, chỉ tu Thập thiện cấp thấp thì về các cõi Dục thiên hoặc loài người. Phải tu đúng Bát Chánh Đạo mới chứng được Thánh quả giải thoát. Đây là những cái rất căn bản.

Nhưng ngoài ra, các vị cũng đồng ý với tôi đó là chuyện hợp lý và vô lý trong đầu một ông tiến sĩ không giống một anh tú tài, hoặc càng không giống ở trong đầu một anh mù chữ. Chuyện mà cái anh mù chữ cho là hợp lý hay vô lý chỉ là một phần nhỏ so với cái biết của ông tiến sĩ.

Thí dụ anh mù chữ làm sao hình dung được trong tích tắc, người bên kia đại dương có thể nói chuyện, nhìn mặt người bên đây đại dương, rất khó, trừ phi trên tay anh cầm cái iPhone, iPad. Mặc dù đó là chuyện hợp lý, có thể xảy ra nhưng nó quá mức tưởng tượng của anh, nó quá tầm hiểu biết của anh.

Ở đây cũng vậy, tầm hiểu biết của vị Thịnh Văn, của cả vị Độc Giác bị giới hạn bởi không gian và thời gian. Thời gian là vị Độc Giác tối đa biết về quá khứ, biết về tương lai gói gọn trong hai a tăng kỳ và 100.000 đại kiếp thôi. Hai vị thượng thủ Thịnh Văn là ngài Xá Lợi Phất và ngài Mục Kiền Liên thì cái biết về quá khứ, về tương lai cũng gói gọn trong một a tăng kỳ và 100.000 đại kiếp. Tám chục vị đại đệ tử thì cái biết cũng chỉ gói gọn trong 100.000 đại kiếp, rồi còn dưới mức đó thì bất định. Ít hơn nhưng bất định về chênh lệch.

Đó là giới hạn về thời gian. Còn giới hạn về không gian là: một vị đệ nhất thiên nhân như ngài Anuruddha thì tầm nhìn không thể vượt khỏi mười ngàn thế giới, vũ trụ. Nhưng riêng vị Chánh Đẳng Giác thì “Đức Như Lai hướng tâm tới cái gì thì lập tức biết ngay tới cái đó”.

Từ chỗ đó, chuyện mà vị Thinh Văn biết cái gì có thể xảy ra thì là rất nhỏ so với vị Chánh Đăng Giác biết có thể xảy ra. Đại khái vậy.

Như hôm qua tôi có nói, các vị Thinh Văn nếu không học giáo lý trực tiếp từ Đức Phật thì vị đó làm sao có thể hình dung được phép Song Thông, một lúc có thể nhập vào hai đề mục lửa và nước để mà biến hiện thủy hỏa cùng một lúc, rất là khó: thủy tam muội, hỏa tam muội. Chuyện đó ngoài khả năng của vị Thinh Văn, mà với vị Chánh Đăng Giác chuyện đó bình thường.

Hôm qua tôi đã kể một loạt những chuyện đặc biệt. Thí dụ từ thiên nhãn, thiên nhĩ cho tới trí quá khứ, trí vị lai, ngay cả Ý hóa thông - khả năng biến hiện ra nhiều người của vị Thinh Văn chỉ là một phần rất nhỏ so với vị Chánh Đăng Giác.

Cho nên trí đầu tiên của Đức Phật là biết rõ cái gì có thể và không có thể. Phần này của Ngài là không có giới hạn bởi không gian và thời gian. Các Ngài không bị giới hạn bởi một tỷ vũ trụ, một ngàn tỷ... Không có cái đó!

2. Đức Như Lai biết rất rõ vấn đề nghiệp lý tới nơi tới chốn.

Khi nói tới nghiệp, ta biết có hai khía cạnh là tổng nghiệp và biệt nghiệp. Tổng nghiệp là chung chung, đại khái. Thí dụ biết bố thí thì kiếp sau sinh ra thoải mái về vật chất. Hiếu học, siêng học Phật Pháp, đời sau sanh ra có nhiều trí tuệ. Có nhiều từ tâm, đời sau sanh ra được tuổi thọ, được nhan sắc, được nhiều người mến thương. Tu tập thiền định thì kiếp sau dễ đắc thiền. Tu chánh niệm, kiếp sau sanh ra có trí nhớ tốt, cuối cùng dễ dàng tu Tứ niệm xứ. Đó là tổng nghiệp.

Còn biệt nghiệp, thí dụ hai người cùng một lúc làm việc bố thí cho cùng một đối tượng. Cùng bỏ tiền ra, cùng mua đĩa cơm, cùng quỳ xuống, cùng lúc cúng dường cho một đối tượng, nhưng công đức ở hai người này hoàn toàn khác nhau. Và khác nhau ở mức độ nào, khác như thế nào, với những chi tiết gì thì vị Thinh Văn chỉ biết được một phần thôi. Còn Ngài Chánh Đăng Giác biết nhiều nhiều hơn như vậy, biết cho đến tận cùng như Ngài muốn. Hiểu biết về nghiệp lý là như vậy.

Như hôm qua tôi nói, học 6 cái trí này của Đức Thế Tôn không phải mình học về chuyện của Ngài. Học chuyện của Ngài chỉ là một nửa, còn một nửa là mình học cho mình.

Chẳng hạn cái trí thứ nhất, Đức Như Lai biết rất rõ chuyện gì có thể và không có thể, chuyện gì là vô lý, chuyện gì là hợp lý. Thì qua cái trí của Ngài mình rút được bài học gì? Thì ra cái biết của mình nó hạn chế như vậy. Mà mình biết chỗ hạn chế có nghĩa là mình đã đi một bước rất là xa. Cái biết cần thiết nhất, hay nhất.

Mà con người cần phải có trước nhứt đó chính là biết được chỗ khuyết, chỗ thiếu của mình, xin thưa quý vị. Các vị nhớ dùm chỗ này, quan trọng lắm nhe!

Biết được mình biết cái gì nó không bằng biết được, chú ý được, phát hiện được cái mà mình không biết. Cái đó mới hay. Các vị có nghe kịp không? Biết được cái sở đoản của mình nó rất là quan trọng. Có nhiều trường hợp nó còn quan trọng hơn sở trường của mình nữa. Bởi vì sở trường của mình mình không biết tới, nó vẫn là cái ruột của mình. Nhưng sở đoản nếu mình không lưu ý tới nó, mình có thể chết như chơi.

Thí dụ con nhà võ biết mình xài bộ tay rất giỏi nhưng biết bộ chân mình dở ẹc; hoặc mình giỏi bộ chân mà bộ tay mình dở, thì chuyện bộ chân mình giỏi mình có thể quên nó không sao. Nhưng nếu không giỏi bộ tay, giỏi cước, giỏi thoái mà quyền mình dở thì phải biết cái nhược của mình. Mình chết là chết chỗ không biết cái nhược của mình đó. Cho nên chuyện ta biết, ta hiểu bao nhiêu không quan trọng bằng biết mình dốt chỗ nào. Luôn biết mình dốt rất là quan trọng.

Ở đây cũng vậy, khi mình học chuyện các Đức Như Lai biết rõ cái gì vô lý, cái gì hợp lý, cái gì có thể, cái gì không thể, thì mình mới nghĩ về mình:Ồ, thì ra cái biết của mình còn quá hạn chế. Có nhiều cái mình tưởng nó đúng nhưng chưa chắc. Có nhiều cái mình tưởng nó hay nhưng chưa chắc.

Như hôm qua tôi nói, ở ngoài đời tôi làm sao có nhiều tiền, tôi làm sao tôi có một mái ấm gia đình ngon lành, vậy là xong. Tôi tưởng vậy là nhất rồi, cả đời tôi cứ cắm đầu gục mặt trong mái ấm gia đình, ăn rồi le lưỡi đếm tiền, tôi tưởng đó là số một. Nhưng có những cái còn hơn đó nữa. Đó là khi mình có đời sống tinh thần của một người Phật tử, biết giữ giới, tu thiền, bố thí, từ tâm, biết chánh niệm... đủ chưa? Chưa đủ!

Vấn đề là mình biết mình chưa đủ. Trước khi các vị chưa biết được là mình còn có chỗ khiếm khuyết, bổ sung, chỉnh sửa thì các vị không để ý các mặt đó. Mà chỉ để ý mình đã được mặt gì đó thì coi chừng chết! Cho nên nhớ câu này:

“Học về Phật, học về Thánh hiền nói chung không phải là học để coi mình có cái gì không, mà học để mình biết rõ, nhớ chừng là mình đang thiếu cái gì. Tôi e rằng cái phần mình biết mình thiếu nó còn quan trọng hơn.”

Tôi có thể quên cái nhà tôi có cái gì, tôi quên cái đó không chết, nhưng tôi nhớ nhà tôi thiếu cái gì. Sức khỏe tôi ngon lành mặt nào, phần này tôi quên không sao hết. Nhưng mà sức khỏe tôi cần phải bổ sung, điều chỉnh chỗ nào thì cái đó mới là quan trọng. Chuyện mà tôi đẹp trai, khỏe mạnh, cơ bắp, cao ráo, tôi không nhớ tới nó không sao, chớ cái chuyện tôi cao máu, cao mỡ, tiểu đường, sạn thận, tim thông mà tôi không nhớ thì tôi chết!

Thì về nghiệp cũng vậy. Mình tưởng mình đã hiểu rồi, nhưng không đủ đâu quý vị. Mình có biết nhiều lắm thì chỉ là một mảnh vụn nhỏ xíu xiu xiu của cái gọi là tổng nghiệp thôi. Mình biết làm cái đó được đó, làm cái kia được đó, nhưng mình quên nghĩ một chuyện, đó là ngay trong lúc mình làm thiện thì ác nó pha vô mình không biết.

Bố thí mà bằng tâm ganh tị, bằng tâm tiếc của, bằng tâm bức mình, sân hận, hiềm khích, để cầu danh cầu lợi, thì chỉ riêng bố thí nó kéo theo mấy cái phiền não chen vô đó mà mình không có ngờ!

Sắp tới mùa đông y, còn năm tháng nữa tới mùa đông y, các vị coi kỹ nè. Ai mà làm thí chủ, nắng nôi, nóng nực, người đông, khói nhang nghi ngút, tiếng ồn um sùm, đã vậy còn nghe lời ong tiếng ve bực mình. Mà lúc hôm đó mình là thí chủ lớn, đại thí chủ cho một ngôi chùa lớn, thì mình coi khả năng buông bỏ của mình được bao nhiêu.

Hôm nay mình không còn nhớ bao nhiêu cái tệ hiềm, sáng giờ mình gặp bản mặt nào mình không màng, mình chỉ nghĩ đến một việc. Đó là mình đang gieo duyên lành giải thoát, mình đang cúng dường vô lượng phước điền y cho chúng Tăng. Vậy là đủ rồi! Còn những chuyện gì ngoài ra thì bỏ. Còn không, nếu mình không kiểm soát, thì ngay trong cái mình tưởng mình hiểu về nghiệp còn rất sơ sài.

Cho nên học đây mình thấy Đức Như Lai biết rất rõ về các nghiệp, thì học cái đó để nhớ lại mình. Mình tự xét mình đã hiểu gì về nghiệp. Mình cứ tưởng cúng dường chư Tăng là có phước, nhưng mình quên là mình đã cúng dường bằng tâm lý như thế nào.

Đi vào thiền viện cũng vậy. Mình tưởng mình đi vào thiền viện là mình thành hành giả. Sai! Vào thiền viện mà có bao nhiêu phần trăm mỗi ngày anh sống chánh niệm. Và trong những giây phút anh sống chánh niệm ấy, cái mục đích, lý tưởng, cố gắng cao nhất của anh là giải thoát, hay là anh còn tư tưởng đến chuyện gì khác?

Giữ giới cũng vậy. Anh đừng nói với tôi anh không phạm giới tức là giữ giới. Đừng tưởng anh quăng ra là anh bố thí, bởi “give” chưa chắc là “give up”, nghĩa là mới cho nhưng mà chưa buông, nghe! Giữ giới cũng vậy, không phạm giới chưa chắc là giữ giới, bởi vì anh phải có những yếu tố tâm lý như thế nào đó mới gọi là giữ giới.

Thí dụ một người đang nằm ngủ vậy anh đâu có phạm gì đâu, vậy là anh giữ giới à? Một đứa bé nằm nôi bú bình nó đang giữ giới à? Một người hôn mê liệt giường đang giữ giới à? Một người đang ngủ mê, một người già lú lẫn là đang giữ giới à, vì họ có phạm gì đâu?

Cho nên mình phải nói rõ giữ giới ở đây là “ý thức kiêng tránh điều tội lỗi qua tam nghiệp”. Ý thức, intentionally, một cách cố ý kiêng tránh điều xấu trong tam nghiệp. Cái đó mới gọi là giới. Phải biết mấy cái này mình mới không tiếp tục tu hành trong sự yên tâm, trong kiểu cách trù mền ngủ.

Thường mình hay tu kiểu trù mền, nghĩa là tự cho mình hiểu vậy được rồi, mình tu vậy là được rồi. Nên nhớ, chiếc xe bò không chạy thì mình đánh con bò chớ không phải đánh thùng xe. Tu là đánh tâm mình. Tâm mình là con bò, là con ngựa, con khỉ, mình phải dạy cho con bò, con ngựa, con khỉ đó. Chớ cái thân này là cái thùng xe. Nhớ nhe!

Đức Như Lai biết rất rõ mọi chuyện, mọi chi tiết về thiền định, thần thông.

Các vị biết rồi, mỗi vũ trụ, mỗi thế giới có ba lớp, ba cấp. Cấp một là của những người hưởng dục, đam mê sắc, thanh, khí, vị, xúc. Cấp hai là thế giới của những người ly dục, sống trong thiền sắc và vô sắc, tức là chỉ sống trong thiền định thôi. Sống chuyên tâm trong đề mục, từ đó đắc thiền, sanh về cõi Phạm thiên.

Đó mới là hai tầng, đến cấp thứ ba thì lâu lâu mới có. Bình thường khi không có thánh nhân, không có Độc Giác, Chánh Đẳng Giác ra đời thì tầng cấp thứ ba coi như không có người.

Nhớ nhe, gồm như vậy đó!

Vũ trụ có ba cảnh giới, ba cõi tâm linh. Cảnh một là Dục giới. Cảnh giới hai là dành cho mấy người chìm sâu trong các tầng thiền sắc và vô sắc. Nhưng riêng cảnh giới ba, của những người chán sợ mọi hiện hữu, thì mình chỉ biết được khi có chư Phật ra đời mà thôi.

Ở đây nói Đức Như Lai biết rất rõ mọi chuyện thiền định và thần thông. Mình nghĩ: “Mình đâu có thiền định, đâu có thần thông, thì học cái này làm gì?” Sai! Học để biết một chuyện là ta đang lè tè, lùn xị ở cảnh giới thấp nhất.

Có cảnh giới hơn nữa là cảnh giới ly dục của người đắc thiền. Đức Như Lai khi Ngài ra đời, Ngài dạy cho mình biết cả ba cảnh giới này. Ngài nói: Có người chỉ chìm sâu trong các dục vật chất. Thứ hai, có người khá hơn, biết sống ly dục, nhưng lại chìm sâu trong các tầng thiền định. Chỉ có cảnh giới thứ ba là cảnh giới của những người nhàm chán cả dục lẫn thiền, cả danh lẫn sắc. Họ thấy rằng mọi hiện hữu chỉ là phù du, có đó rồi mất đó. Một trăm năm ở cõi người mình tưởng nó lâu, nhưng nó chỉ là một nháy mắt của chư thiên thôi.

Có hai thứ thời gian: thời gian địa quyển, geological time, và thời gian thứ hai là mental time, thời gian tâm lý.

Thời gian geological là thời gian của địa hình, địa chất. Thí dụ biển xanh biến thành ruộng dâu, thời gian để cho núi lở sông bồi; ngày xưa chỗ này là đồi, giờ là hồ; ngày xưa chỗ này là biển, giờ thành cái hang. Như hang Huyền Không ở Đà Nẵng, mình vô nhìn trần hang thấy vỏ ốc dày đặc. Ngày xưa nó ở dưới biển, rồi nó trôi lên từ từ. Thời gian đủ để cho mấy lớp trầm tích, lớp vỏ trái đất hình thành nên những thay đổi như vậy cần đến hàng triệu năm. Đó là thời gian lâu nhất.

Thời gian thứ hai là thời gian vật chất, thời gian của một kiếp người. Thời gian của một kiếp người nó chỉ là một phần triệu, một phần tỷ của geological time. Nhưng thời gian thứ hai, mental time, thời gian tâm lý, nghĩa là khi mình muốn cái gì đó nó lâu thì mình thấy nó ngắn. Khi mình muốn cái gì đó ngắn thì mình sẽ thấy nó lâu. Thì cái trăm năm, ngàn năm, mình muốn nó dài hay ngắn thì khó nói lắm.

Thí dụ thời gian bị đoạ thì ngàn năm lâu thiệt, nhưng nếu ngàn năm trên cõi trời thì nó ngắn lắm. Ngắn là do tâm tưởng mình thôi, chớ biết dựa vào đâu mà nói ngắn, nói dài.

Cho nên khi tán thán Đức Như Lai hiểu rõ về thiền định thì mình nhớ cái này: thì ra cái mà Đức Như Lai lìa bỏ trước khi thành Phật là Ngài lìa bỏ thiền định, chớ không phải Ngài lìa bỏ dục. Dục là Ngài bỏ trước đó rồi. Không biết nói vậy hiểu không ta?

Có nghĩa cái mà Ngài bỏ để thành Đạo là các thiên, chứ không phải là dục nữa, vì Ngài đã ly dục rồi mới đắc thiên.

Chúng ta nhớ lại đêm cuối cùng thành Đạo, thì đầu hôm Ngài sống với Túc mạng minh. Canh giữa là Sanh tử minh. Canh cuối mới là Lậu tận minh. Tức là lúc đó dục đã cách Ngài ngàn trùng rồi. Cho nên mình mới thấy, thì ra cảnh giới Đức Phật cách mình xa lắm, khoan nói đến trí tuệ và đức hạnh của Ngài. Chỉ nói cái khoảng hành trình Ngài đi là cách mình xa lắm.

Ngài ly dục đợt một là bỏ ngôi vua mà đi, bỏ vợ đẹp con ngoan mà đi, bỏ hoàng cung, sự nghiệp đế vương mà đi. Đó là ly dục đợt một.

Ly dục đợt hai là Ngài vào trong rừng, không màng đến chuyện ăn mặc và buông hết, sống lỏa thể trần truồng trong rừng sâu núi thẳm. Mở dùm tôi bài Đại Kinh Sư Tử Hống, trong Trung Bộ, coi Ngài nói như thế nào về Ngài trong thời gian khổ tu sáu năm trời. Mình mấy trần truồng, bò lết vô chuồng bò ăn phân bò rồi đi vệ sinh ra, rồi mới ăn cái mình mới bài tiết, ăn ngược trở vô.

Ngài làm đủ cách khó khăn cùng cực để chi? Bởi vì theo niềm tin người thời đó là phải tự dày dạn như vậy để trừ, để đuổi, xua, tống khứ cái trước phiền não của mình.

Hồi đó giờ do có thích mới có ghét, thích cái này mới ghét cái kia. Mà có thích ghét thì có phiền não. Bây giờ dẹp hết, không còn sống trong cái thích nữa, thì như vậy sẽ không còn ghét, nghĩa là không còn khổ. Đã lên tới mức trần truồng, ăn phân, thì các vị tướng tượng người đó còn cái gì nữa quý vị? Các vị có dám làm vậy không?

Ngài tính, Ngài thử qua tất cả pháp khổ tu, cuối cùng Ngài thấy không xong. Ngài thấy rằng: “Phải thấy khổ để hiểu nó mới thoát khổ, chứ không phải gồng mình chịu khổ để thoát khổ.”

Thí dụ mình đau răng, ông nha sĩ phải hiểu rất rõ vì đâu cái răng bị nhức, cái răng đau làm sao mới chữa hết đau được. Cho nên cái khổ chỉ có thể được giải thoát bằng

cách là nhận thức.

Cho nên bốn việc phải làm đối với Bốn đế là:

Khổ đế cần được hiểu.

Tập đế cần được trừ.

Diệt đế cần được chứng.

Đạo đế cần được hành.

Chớ không phải Khổ đế là để mình gồng mình chịu.

Cho nên Ngài ly dục đợt một là từ bỏ hoàng cung, nhu cầu danh lợi, tình yêu. Tới bước hai là từ chối sự dễ chịu tối thiểu của một con người, từ bỏ nhu cầu thiết yếu của một con người là ăn, mặc, ở. Nhưng rồi Ngài thấy cái này không xong, nó hơi bị cực đoan.

Tôi đã có lần nói: lúc chưa biết gì thì chạy theo cái thích. Lúc tu ba mớ thì hạn chế cái thích, quan tâm tới cái cần. Tu thêm bước nữa thì mất luôn cái thích, chỉ giữ lại cái cần. Cuối cùng chỉ giữ lại cái tối cần. Đây là công thức tu hành.

Mới nghe qua thì thấy đạo Phật tu khó quá, nhưng mà không! Khi các vị hiểu Đạo, hành Đạo, các vị mới ngộ ra điều thú vị này: “Càng nhiều nhu cầu thì đời sống càng nhiều bất tiện.” Nghĩa là đi đâu cũng thấy thiếu hết, vì nhu cầu của mình nhiều quá.

Cho nên ở đây khi nói đến thiền định thì phải nhớ tới cái đó. Chuyện đầu tiên là phải ly dục. Người ly dục là không còn nhu cầu vật chất tùm lum, chỉ còn giữ cái tối cần thôi. Đó là khi họ còn mang thân nhân loại. Khi họ đã là Phạm thiên thì họ không còn nhu cầu vật chất nữa. Và nói bằng giọng của Thánh Kinh: “Phúc thay cho kẻ nào có ít hoặc không còn nhu cầu vật chất nữa.”

Nói rất ráo, ta có nhu cầu vật chất thì một là do lòng ta muốn thế, hai là vì thân ta đòi thế. Cả hai cái này đều khổ. Thí dụ mình già, lưng còng, thì cái thân nó đòi phải có cây gậy; nằm trên chõng tre cũng phải có đồ lót, đồ bọc cho êm. Còn khi còn trẻ, ta muốn cái này cái kia là do lòng ta muốn thế. Người có lòng tu thấy hai chuyện này là oái ời.

Cho nên Đức Thế Tôn thấy rất rõ những gì thuộc về thiên định, thần thông là chỗ đó. Chuyện đầu tiên Ngài biết rất rõ: muốn đắc thiên là phải ly dục. Ở đoạn sau bài kinh Ngài.

Dạy rất rõ là tất cả sáu trí này chỉ có ở người thành tựu thiên định.

4. Đức Như Lai biết rõ về quả luân hồi.

Nghĩa là Ngài nhớ lại vô số đời trước không giới hạn. Nhớ lại kiếp xưa cách đây một ngàn kiếp, một tỷ kiếp, một triệu kiếp, một triệu tỷ kiếp, mình hoặc người khác đã sanh ra ở đâu, làm gì, hình dáng, tuổi thọ, sinh hoạt, thích, ghét, nhu cầu ra sao, biết và nhớ rất rõ.

5. Sanh tử trí.

Là nhớ, biết rất rõ ông nào đó, bà nào đó, hoặc bản thân Ngài kiếp đó, kiếp đó vì nghiệp nào mà được giàu; vì nghiệp nào mà bị nghèo, bị bệnh; vì nghiệp nào có sức khỏe hoặc thông minh; vì nghiệp nào có quyền lực, có nhan sắc; vì nghiệp nào được kẻ thương, bị người ghét. Biết rất rõ, gọi là nhớ cái nhân luân hồi.

6. Chứng ngộ Bốn Đế.

Khi biết rõ cái nhân và cái quả luân hồi thì Ngài mới thấy được ra Bốn Đế. Ngài thấy rằng tất cả quả luân hồi đều là Khổ. Tất cả nhân luân hồi đều là Tập. Còn thích trong khổ là còn đầu tư trong Tập. Muốn hết khổ thì phải vắng mặt của Tập đế, tức là lòng tham trong sáu trần. Hành trình nào dẫn đến sự vắng mặt ấy? Đó chính là Tứ niệm xứ, hay gọi đủ là Bát Chánh Đạo.

Tức là từ thấy Nhân, thấy Quả sanh tử, Ngài mới ngộ ra Bốn Đế, thấy tất cả quả sanh tử đều là Khổ. Tất cả nhân sanh tử đều là Tập đế. Muốn vắng mặt Khổ đế phải là Tập đế. Hành trình là bỏ Tập đế chính là Đạo đế, tức là Bát Thánh Đạo vậy.

Khi Ngài có sáu trí này thì Ngài mới được gọi là Vô thượng Điều Ngự, Thiên nhân sư, Phật, Thế Tôn. Ở vị Thinh Văn cũng có sáu trí này, nhưng không đáng kể so với Thế Tôn, từ trí một cho tới trí thứ sáu. Chỉ có trí thứ sáu là có điểm giống hơi nhiều giữa đạo sư và đệ tử. Giống ở chỗ cả hai đều thấy rõ Bốn Đế và 12 duyên khởi mới chứng Thánh, mới là hẵn tất cả phiền não kiết sử. Và với một người như vậy thì sau kiếp sống này không còn luân hồi nữa. Đây là điểm giống thứ hai.

Tuy nhiên, trí thứ sáu của vị Chánh Đăng Giác là do thấy tất cả mọi sự rồi chứng Tứ Đế. Cái thấy của Ngài bao la lắm. Nếu quý vị đọc Kinh tinh ý một chút, chỉ riêng khoản Túc mạng minh, Ngài dùng hẵn một canh để Ngài nhớ. Ngài nhìn ngược nhìn xuôi, thấy ở đâu cũng khổ.

Rồi tới canh thứ hai, Ngài mới quán về nhân sanh tử. Ngài mới thấy: ồ, cái giàu đó, cái nghèo đó, cái xấu, cái đẹp, cái sướng, cái khổ đó, cái đen trắng, mập ốm, ngu khôn, sang hèn đó, đó là do mấy nghiệp này nè. Ngài quán đó, Ngài mới lạnh xương sống. Khi Ngài nghe lạnh xương sống rồi, Ngài mới bắt đầu nhàm chán, mới quán chiếu Bốn Đế thông qua nhân và quả sanh tử.

Trong Chú giải ghi rất rõ là trong tích tắc Ngài có thể tour qua tất cả các đề mục... Tuy nhiên, trước khi thành Đạo, Ngài phải dùng Tứ thiền, từ đề mục hơi thở để làm nền tảng quán chiếu 12 duyên khởi và Bốn Đế để thành Phật. Các vị nào biết tiếng Anh, dịch câu này ra tiếng Anh rồi tra trên internet, từ khóa là “anapana catutthajjhana paccayakara”, rồi coi nó dặt các vị đi đâu. Nhe. Trong đó sẽ có nói là:

“Bồ tát phải dùng Tứ thiền có từ hơi thở để quán chiếu duyên khởi Bốn Đế. Vì sao vậy? Vì duyên khởi gồm có hai chiều thuận và nghịch. Khi hai chiều thuận nghịch của 12 duyên khởi cộng lại thì có đủ Bốn Đế. Tức là do Vô minh duyên Hành, Hành

duyên Thức, Thức duyên Danh sắc. Tức là do u mê trong Bốn Đế mới tạo các nghiệp thiện ác. Từ các nghiệp thiện ác mới có tâm đầu thai. Do có các căn đầu thai nên mới có lục căn, lục xúc, lục thọ, lục ái. Từ lục ái sanh ra lục thủ và tứ thủ. Từ tứ thủ sanh ra hai Hữu”. Đó là hành trình từ Khổ đến Tập, Tập đến Khổ.

Khi Vô minh diệt, tức là không còn vô minh trong Bốn Đế nữa thì không còn các nghiệp thiện ác. Đó là hành trình ngược, hành trình Diệt và Đạo là ở chỗ đó. Tinh thần Bốn Đế thể hiện qua hai chiều thuận nghịch của 12 duyên khởi.

Cho nên, ai đó nói Thỉnh Văn chỉ biết Bốn Đế, Độc Giác chỉ biết 12 duyên khởi thì nên coi lại. Như tôi vừa nói, sáu trí này ở Thỉnh Văn cũng có, nhưng chỉ là mảnh vụn của Chánh Đẳng Giác thôi. Thí dụ Túc mạng minh, Sanh tử minh thì đệ tử Phật, các vị đại Thỉnh Văn cũng có, nhưng chỉ là một mảnh vụn. Thí dụ các vị chỉ nhớ được 100.000 đại kiếp, 200.000 đại kiếp; trong khi Đức Thế Tôn là không giới hạn bởi các con số.

Sanh tử minh cũng vậy. Lậu tận minh cũng vậy. Còn mấy trí đầu tiên như trí hiểu biết về thiền, về nghiệp lý, trí hiểu biết cái gì là có thể, là không có thể thì Thỉnh Văn cũng có, nhưng chỉ là những mảnh vụn.

Cuối cùng là Lậu tận trí. Tôi đã nói, Thỉnh Văn chỉ cần nhìn một giọt sương, một giọt nước, tí ánh trăng, quan sát hơi thở, quan sát một tâm trạng, một cảm xúc là Thỉnh Văn đắc chứng. Mặc dù trước đó mù tịt không biết cái gì hết. Nhưng khi duyên đủ rồi thì chỉ cần nhìn mặt nước xao gợn ánh trăng, nhìn một chiếc lá rơi, quan sát hơi thở trong tích tắc, bla bla bla... là có thể chứng.

Nhưng riêng các vị Chánh Đẳng Giác thì không. Hành trình của các Ngài là kèn trống âm ỉ, là nghi trượng, là trang nghiêm lắm. Các Ngài phải trải qua bao nhiêu, phải đắc chứng toàn bộ các tầng thiền định. Xong rồi các Ngài từ đó làm nền tảng để quán chiếu Danh-Sắc, quán chiếu năm uẩn, 12 Xứ, 18 Giới thông qua 12 duyên khởi, và từ đó là Bốn Đế.

Đây là lý do vì đâu sau khi thành Phật, Thế Tôn và chư Phật nói chung đã nhập hai triệu bốn trăm ngàn lần các tầng thiền. Vào ra, ra vào; vào ra, ra vào, ra vào suốt 2.400.000 lần như vậy sau khi thành Phật. Tích tắc là đã xong. Và trước khi Niết bàn cũng lặp lại một lần nữa chuyện ấy, nghĩa là xuất nhập, vào ra 2.400.000 lần chín tầng thiền tất cả: vô Sơ thiền, ra Sơ thiền; nhập Nhị thiền, ra Sơ thiền; nhập Tam thiền, ra Tam thiền; nhập Tứ thiền, ra Tứ thiền; thiền Sắc giới; nhập vào Hư không vô biên, ra khỏi Hư không vô biên; nhập vào Thức vô biên, ra khỏi Thức vô biên; nhập vào Vô sở hữu xứ, ra khỏi Vô sở hữu xứ; nhập vào Phi tưởng phi phi tưởng; ra khỏi Phi tưởng phi phi tưởng; ra khỏi Phi phi tưởng, nhập vào Diệt thọ tưởng định; xuất khỏi Diệt thọ tưởng định, nhập vào Sơ thiền, ra khỏi Sơ thiền; nhập vào Nhị thiền, ra khỏi Nhị thiền; nhập vào Tam thiền... Cứ như vậy mà đến 2.400.000 lần sau khi thành Phật và trước khi Niết bàn. Nhớ nhe!

Cho nên, đây cũng là một trong những lý do mà bữa ăn của bà Sujata và của ông Cunda công đức rất lớn. Nhờ bữa ăn của bà Sujata mà Bồ tát thành Phật, chứng được Hữu dư y Niết bàn, chứng được phiền não Niết bàn. Cũng nhờ bữa ăn đó, Ngài đủ sức để nhập thiền 2.400.000 lần.

Và bữa ăn Cunda được xem là công đức tương đương, vì nhờ đó Ngài đủ sức nhập 2.400.000 lần các tầng thiền định. Cũng từ bữa ăn đó Ngài mới có thể viên tịch Vô dư y Niết-bàn. Từ nay tuyệt đối khỏe thân, không còn nhọc sức đi hóa độ người này người kia, bị chúng chửi, chà đạp, thị phi, dè bĩu, mệt lắm.

Mình thương Phật, mình muốn Phật trụ thế đời đời, nhưng thật ra mình quên nghĩ tội nghiệp Ngài, mệt lắm! Xuất thân để vương mà mỗi ngày đi bát nó cho tầm bậy tầm bạ, củ sắn củ khoai, ráng mà nuốt. Nó thương thì nó quỳ nó lạy. Nó ghét thì đứng chống nạnh chửi từ sáng tới chiều thì cũng nhịn chớ làm gì! Cho nên quý Phật, muốn Phật trụ thế đời đời, nhưng cũng phải thương Phật chớ.

Thương, nghĩ là Ngài đâu có được gì đâu. Ngài đi hoằng pháp Ngài không được một cái gì hết. Cái chuyện người ta lạy Ngài, khen Ngài thì Ngài cũng được gì đâu. Các vị

tưởng tượng đi, bây giờ các vị lấy cái quạt quạt cho Ngài thì Ngài còn được chút đỉnh, chớ còn cả đám quý lạy sì sụp khen Ngài thì Ngài được cái gì? Nghe, Ngài không được cái gì hết. Cho nên thôi, khi một lần Ngài quyết định tịch là Ngài khỏe thân Ngài.

Còn lúc chưa đến tuổi viên tịch, lâu lâu Ngài mệt mỏi quá, Ngài chỉ mệt thân chớ đâu có mệt tâm, nhưng lâu lâu mệt quá thì Ngài nhập Thiền diệt. Ngài có nhiều cách nghỉ ngơi.

Cách một là nhập Thiền quả, tức là an trú vào Vô tướng tâm giải thoát, quán chiếu thế giới này không còn nam phụ lão ấu, đực cái trống mái, bò bay máy cưa. Ngài chỉ thấy tất cả chỉ là danh-sắc chớp tắt, chớp tắt, chớp tắt, chớp tắt. Khi Ngài thấy mọi thứ đang chớp tắt thì Ngài khỏe lắm, bởi vì Ngài không còn bận tâm lo thuyết pháp cho cái tên này, thuyết pháp cho tên kia. Rồi dạy tên này tu làm sao, dạy tên kia phải tránh cái gì... Mệt lắm, mệt lắm!

Lúc đó Ngài an trú một là trong Thiền quả, là cảnh Niết-bàn, chỉ biết cảnh Niết-bàn thôi. Còn khi Ngài nhập Vô tướng tâm là Ngài chỉ biết cảnh danh-sắc thôi. Vô tướng đây có nghĩa là không còn tướng nam, tướng nữ, tướng trời, tướng người, tướng thú không còn nữa. Tất cả chỉ là chớp tắt, chớp tắt, chớp tắt. Mà khi Ngài an trú vào cảnh giới đó Ngài khỏe lắm quý vị, tưởng tượng là mình thấy khỏe rồi.

Giống như mình, người phàm, mình đi vacation biển Caribe, biển Majorca vậy đó. Mình bước ra đó nhìn bốn bề mây nước, quên hết công ăn việc làm, quên hết công ty hăng sở, chủ tớ, kẻ trên người dưới, tranh danh đoạt lợi... quên hết tuốt tuồn tuột. Chỉ có “một mảnh tình riêng ta với ta” thì nó đã biết chừng nào!

Cho nên mình phải nói, mình phải thương, vì mình mà Ngài khổ biết là bao nhiêu để Ngài thành Phật. Khi thành Phật rồi, Ngài phải thương mình bằng trời mới khổ thêm mấy chục năm, chớ thật ra năm 35 tuổi là Ngài đã xong rồi, Ngài không còn chuyện gì để Ngài làm hết trơn.

Bài kinh này không phải để Ngài khen Ngài. Không phải Ngài nói để mình lạy Ngài, mà là để mình hiểu chư Phật là vậy đó.

Chính vì có sáu trí này nên chư Phật đi vào, xuất nhập, đến đi lai vãng, khứ lai tất cả các hội chúng hoàn toàn tự tại vô ngại, không hề bị ngăn trở bởi bất cứ mối âu lo nào hết. Cuối cùng, ở đoạn số 14, Ngài xác định rằng sáu trí ấy chỉ có ở người thành tựu thiền định.

Tôi xin nói rõ bà con một chuyện. Đừng bao giờ hiểu lầm: kinh này nói về Phật, kinh kia nói về thiền định, đâu có mắc mớ gì mình. Sai bét nhé! Khi mình hiểu về bầu trời mình mới biết đất, mới hiểu về đất nhiều hơn. Khi mình tìm hiểu về biển cả, về đáy đại dương thì mình mới biết đất liền nhiều hơn. Mình tìm hiểu về biển thì biết về biển, đúng rồi. Nhưng khi hiểu về biển thì cái biết của mình về đất liền nó lại tăng lên.

Khi học về Phật thì mình có dịp hiểu về mình nhiều hơn. Khi mình học về Thánh thì mình hiểu cái phạm của mình nhiều hơn. Khi học về thiền, mình biết cái tâm dục của mình nhiều hơn. Phải nhớ cái đó. Rất quan trọng, không bỏ ngang cũng bỏ dục!

Đúng rồi, thiền định quan trọng, nhưng tôi chỉ nói phớt qua thôi. Ngài dạy rằng: “Con phải lìa bỏ cõi Dục, cảnh giới Dục, vật dục, năm trần, thì con mới có thể thành tựu cái này cái kia. Ngày nào con còn thích tùm lum thì ngày đó con chưa thể đắc thiền được. Còn kẹt trong năm dục, con đừng hòng”.

Tôi nói lần nữa, các vị ở đây có ra sao đi nữa, bản thân chúng tôi có ra sao đi nữa, nhưng giá nào cỡ nào chúng ta cũng phải đối diện với quan tài. Cái ngày chúng ta vào đó nằm thì chúng ta mang theo được cái gì? Nay mai lên máy bay bay rồi, lên đó rồi mà gặp nó chao, nó lắc thì lúc đó mới nhớ bài giảng chiều nay. Đó là không chuẩn bị để đi thì cái chết nào cũng đáng sợ. Có chuẩn bị rồi, cái chết nào cũng làm mình nôn nao háo hức.

Tôi biết chiều nay tôi xài bốn chữ này, “nôn nao háo hức”, có thể làm nhiều người nghĩ tôi đang tô hồng chuốc lức cái chết. Không phải! Tôi đang muốn xác định một chuyện, đó là:

“Khi ta có chuẩn bị, trang bị ngon lành thì cái chết nó là giây phút háo hức, nôn nao, rạo rực”.

Tin tôi đi. Mình có giấy tờ đảng hoàng, có vé, có visa, có tiền lặn lưng, có chỗ quen biết, mình biết mình sẽ đi đâu về đâu. Bắt đầu một chuyến đi, nó nôn nao, náo nức lắm! Còn cái thứ bị cảnh sát dắt đi, bị xe cứu thương, y tá, bác sĩ chở đi, mình rất là run. Vì sao? Vì mình biết chỗ mình đến là chỗ nào. Bị áp tải bởi xe tù là đưa về nhà tù. Bị nằm trên xe cứu thương là biết đi về bệnh viện. Đó là những chuyến xe, chuyến đi rất là buồn, quý vị biết không? Buồn lắm!

Nhưng khi mình biết mình đang khỏe mạnh, mình biết mình đang có tiền, có vé máy bay, tàu lửa, mình biết chỗ mình đến là đâu, ở đó có người đón chào mình, mình sẽ có những ngày sống như vậy, như vậy, thì nó không còn đáng sợ nữa. Tin tôi đi!

Mình sống như thế nào mà mình có thể chết bất cứ lúc nào. Đó là một. Cái thứ hai, khi các vị có những chuẩn bị, trang bị ngon lành thì cái chết lúc bấy giờ đến với mình, nó ngoạn mục, nó đẹp lắm. Tin tôi đi. Hồng lẽ bây giờ mình tự vận, chớ thiệt ra đó là lúc mình biết mình ngon rồi, không lo nữa. Nghe!

Tu mà đến mức thấy cái chết nó nôn. Thí dụ mình thấy mình yếu, nghĩ: “Qua được cái chạng này là khỏe”. Các vị biết ở trên cõi trời Thánh nhân dày đặc trên đó. Thánh nhân mà ba Tạng, một Tạng, hai Tạng, Tam quả, Nhị, Tứ quả dày đặc ở trên. Tứ quả thì không còn tái sanh, nhưng những vị thời Đức Phật, họ ở trên đó, họ xuống đây họ nghe rồi họ đắc Tứ quả, mà chưa hết tuổi thọ thì họ còn tiếp tục sống. Tuổi thọ họ lâu lắm.

26 thế kỷ mình bằng 26 ngày ở trên nên họ còn sống trên đó. Chưa kể họ nghe xong họ đắc Nhị quả, rồi lên trên đắc Tam, Tứ quả ở trên. Cho nên trên trên La-hán có, A-

na-hàm có, Tư-đà-hàm, Tu-đà-hườn dày đặc. Còn ba cái thứ một Tạng, hai Tạng, ba Tạng “đông như quân Nguyên” ở trên.

Cõi trời là Phật pháp cực thịnh ở trên, nghe. Còn mình dưới đây thì thấy mặt pháp tùm lum. Trên cõi trời người ta rần rần, rần rần, đại hội võ lâm ở trên.

Cho nên các vị mà có sự chuẩn bị ngon lành thì thấy cái chết mình nó đáng nôn nao, đáng rạo rực, đáng được chờ đợi lắm! Còn cái thứ tu lơ tơ mơ, giáo lý không chịu học, hiểu tầm bậy tầm bạ, nông cạn, thiển cận, một chiều phiến diện, bệnh hoạn tật nguyên thiếu máu, học đạo kiểu đó rồi bây giờ nó đang trẻ, đang còn khỏe, đang sung, đang quơ quào. Nhưng ít bữa nữa nó nghe suy kiệt rồi đó, bao nhiêu lỗi lầm mình làm thì sám hối với ai? Mà đâu phải cái tội cái lỗi đề cái tên nó ra sám hối mà nó hết đâu. Nghe!

Tiếp theo mình học bài kinh 65.

Vị Bất Lai

Đức Phật dạy có sáu cái trục trặc này, nếu ta không giải quyết thì không tài nào chứng được Tam quả. Các vị có thấy lạ không, tại sao Ngài không nói A-la-hán luôn mà chỉ nói có Tam quả thôi? Vì căn cơ của những người ngồi trước mặt Ngài, nói như vậy nó gần gũi với họ hơn. Bởi vì Bất Lai nói gọn là “người không còn thích và ghét trong năm dục nữa”.

Tất cả những người chứng Sơ thiên trở lên đều phải dứt được sự thích và ghét trong năm dục vật chất, nhưng chỉ ở mức tương đối, tạm thời. Riêng vị A-na-hàm thì vĩnh viễn lìa bỏ hai phiền não ấy.

Một người đã chứng Tu-đà-hườn thì bắt buộc, chắc chắn, dứt khoát, đương nhiên, cố nhiên, dĩ nhiên là phải chứng La-hán sau đó; lâu mau khác nhau, nhưng mà phải. Không còn đường khác để đi, không còn chọn lựa nào khác để toan tính. Nói gì vị A-

na-hàm là người không còn thích, ghét trong năm dục nữa. Vị này chỉ còn thích trong thiền thôi.

Còn lên tới La-hán thì không còn thích bất cứ gì nữa. Nếu thấy cần thì xếp chân vô nhập một tí cho vui, để nghỉ ngơi rồi thì xong. “Vui” là chữ của tôi xài. Chứ thấy mệt mỏi thì nhập một cái rồi thôi, chứ các ngài không thấy thiền đã quá rồi canh, trông đợi tới giờ nào để vô xếp bằng để phê, là không phải. Hoặc nhập thiền để độ sinh thì các ngài nhập một tí.

Thí dụ Đức Thế Tôn sáng nào đi bát chung với chư Tăng, tức bữa nào không có đối tượng đặc biệt nào để độ, thì sáng mặt trời vừa hé là Ngài mở rộng cửa phòng ra. Ngài A-nan nhìn thấy cửa mở là ngài A-nan thông báo:

“Tất cả chư Tăng hoan hỷ y bát chỉnh tề, chờ đi khất thực tháp tùng với Thế Tôn.”

Còn bữa nào ngài A-nan thấy cửa phòng Thế Tôn đóng lại thì ngài biết rằng Thế Tôn hôm đó sẽ đi một mình, kể cả ngài A-nan cũng không được đi theo. Mà Ngài đóng cửa để làm gì? Để nhập Đại bi định. Bởi vì có thương mới đi độ nó được, chứ bữa nay mình biết tới nó chửi cho mình tan xác, biết chứ, biết nó sẽ chửi chứ.

Thứ hai là khi Ngài nhập như vậy, Phật thì trước sau cũng là Phật thôi, chứ đâu phải đợi nhập hay không nhập mới Phật hay không Phật. Trong kinh nói một cái hoa đang có bông có hai thời điểm. Có những loài hoa nở vào ban đêm rồi ban ngày ít thơm một tí. Có những loài hoa thơm nhiều ban ngày, đặc biệt vào ban sáng, buổi chiều bớt thơm một tí. Có hoa thơm nhiều buổi trưa, vào buổi chiều, vào buổi tối, nhiều vào đầu hôm, thơm nhiều lúc giữa đêm, hoặc thơm nhiều vào lúc nửa đêm về sáng.

Thì bậc Chánh Đẳng Giác y chang vậy. Có những Phật sự mà trước khi Ngài làm, Ngài phải dùng một thứ tâm đặc biệt nào đó để tăng cường hiệu quả. Trong kinh nói ngài (...) mỗi lần trước khi đi khất thực, ngài nhập vô Đại bi định, trú định từ bi hỷ xả, để coi cái người nào bá vợ đi ngoài đường gặp Ngài, họ chỉ cúi đầu là công đức vô lượng. Họ thò tay để vô bát Ngài trái nhãn là công đức vô lượng, thậm chí hột

nhân thôi cũng công đức vô lượng. Huống gì một vá cơm, một miếng bánh là công đức của nó biết bao nhiêu, hưởng ngàn đời thiên thu vĩnh cửu.

Cho nên có những Phật sự cần được trang bị tâm thái đặc biệt nào đó, chứ các bậc Thánh không hề dùng thiên định như một cách hưởng thụ, một kiểu đam mê như phàm phu.

Cho nên khi một vị đã đắc Tu-đà-hườn thì đương nhiên, dĩ nhiên là phải chứng La-hán. Chỗ này Thế Tôn không nhắc đến quả vị khác, mà Ngài chỉ nhắc đến Tam quả là vậy. Để cho người ta thấy, thứ nhất là Tam quả cũng đâu khác Tứ quả bao nhiêu. Nói theo A-tỳ-đàm thì nó khác một chút, chứ thực ra mình lấy mắt nhìn vị Tam và Tứ quả y chang nhau thôi, vì các vị đâu còn thích gì nữa đâu. Còn chuyện có vị thích trong thiên thì chỉ có trời biết thôi. Nhưng trong dục thì không. Vị đó không còn bất mãn bởi lời khen tiếng chê, nóng lạnh, muỗi mòng, nắng gió. Có lấy dao lụi các ngài đồ ruột một chùm, vẽ mặt các ngài không thay đổi.

Từ Tam quả trở lên, lấy dao mà lụi thì các ngài cái mặt cũng vậy, không có khác gì hết. Vị Tu-đà-hườn, Tư-đà-hàm còn nhú mày một chút, chứ còn vị A-na-hàm là coi như trót quớt luôn, bởi vì tâm sân không còn nữa. Chỉ có đau thôi nhưng không biến sắc, vì các ngài không giận, không sợ. Chuyện đó đặc biệt lắm!

Tôi nói rồi, học về Thánh không phải học trên mây mà mình học về mình: “Thì ra đặc điểm của người đắc thiên là không còn thích và ghét trong năm trần. Sự lìa bỏ ấy chỉ là tạm thời. Riêng vị A-na-hàm thì vĩnh viễn không còn thích và ghét. Và vị ấy khi tắt thở rồi không còn có cơ hội quay trở lại cõi Dục nữa, tức là không còn tái sanh cõi Dục mà phải về cõi Phạm thiên. Mà muốn quay về cõi Dục để làm gì đó thì đi về bằng thần thông chứ không về bằng cách tái sinh.” Nhớ nghe!

Như vậy, các khổ trên đời đến từ sự ghét, sợ cái gì đó trong năm dục. Không còn thích trong năm dục thì không còn ghét, sợ. Cái tâm của vị A-na-hàm nó đã và sướng lắm. Bởi vì vị đó không còn bị giới hạn trong vật chất.

Mình thì vui đầu như con heo trong máng cám, không hiểu những chuyện lạ lắm. Tôi hỏi điều này các vị có thể hình dung ra, là các vị có bao giờ cảm thấy mình bị nhốt trong tấm thân mấy chục ký này không? Nhìn lên trời, con chim nó bay được, mình thì không. Thấy cái thân mình bị ảnh hưởng rất nhiều bởi hấp lực trái đất là mình đã chán rồi. Leo mệt lên tới núi cao, đứng trên mỏm đá nhìn xuống thì run rẩy kinh sợ, sẩy chân một cái là tan xác.

Nhiều lúc tôi giận mình: sao có cái thân này chi? Nó đau, nó nhức, nó nóng, nó lạnh, nó đói, nó khát. Đi đứng mệt thấy bà. Nó lạnh mùa đông, nó nóng mùa hè, rồi nó bệnh, nó hoạn. Mình còn biết chắc, nếu không chết bất đắc kỳ tử thì trong mấy năm nữa nó cũng giở trò: đau cái này, bệnh thiếu chất này, bệnh dư chất kia.

Riêng cái thân này nó đã là nhà tù. Còn cái nhà tù thứ hai là sự thích và ghét trong năm dục.

Nhớ câu thần chú: ta có hai nhà tù lớn. Nhà tù một chính là cái thân này. Ta chán quá đi. Trời cao đất rộng mà ta mang cái hình hài bằng xương bằng thịt này, ta làm được gì, khi nó đòi ăn, đòi ngủ, đòi nghỉ ngơi, đi cầu, đi tiểu, đánh răng, rửa mặt, tắm rửa, mặc áo, mặc quần. Nó cần kiếng mát, cần tất, găng, khẩu trang, cần đủ thứ. Rồi nó ho hen, sổ mũi, tiêu chảy, nhức đầu, chóng mặt, đau tùm lum tà la từ trên xuống tới gót. Ôi, nó đau tùm lum!

Chính vì nó bị bao nhiêu vấn đề thì ta phải giải quyết chừng ấy chuyện đối với nó. Đó là nhà tù một, là cái thân này.

Mà mỗi lần đi tắm thấy ớn. Mỗi lần đi vệ sinh nó gớm. Mình nghĩ: trước khi mình đi thì nó nằm ở đâu trời, nguyên cái đồng lầy này? Thì ra nguyên đêm nay mình ngủ với nó. Nghe, nguyên cái đêm vừa rồi mình ngủ với nó, sáng bây giờ mình làm một đồng ngất trời như vậy đó. Tối mình ngủ với nó mà nhờ nó khuất mình không có thấy!

Nhà tù thứ hai là cái thích và ghét. Chính vì thích cái này, ghét cái kia nên ta cả đời cứ lằng xằng trong thích và ghét ấy. Người thấy thân này là nhà tù thì đã không

nhiều, nói chi người thấy cái nhà tù thứ hai.

Khi anh có quá nhiều cái để thích, quá nhiều cái để ghét thì chính là anh sinh hoạt như thằng tù. Nói theo kiểu Chúa: “Phúc thay cho kẻ nào mà đời sống không có nhiều nhu cầu. Nhờ thế hẳn không có nhiều sự bất mãn”.

Chữ “nhu cầu” và chữ “bất tiện” gắn liền với nhau. Như khổ - vui, khóc - cười là hai cặp, nhu cầu - bất tiện là một cặp. Cái tên nào nhu cầu nhiều quá thì tên đó đi đâu cũng bị bất tiện hết. Tin tôi đi!

Bài kinh này chỉ riêng nói chữ A-na-hàm mà không nói tới nơi tới chốn, lòng không yên. Chữ A-na-hàm lớn chuyện lắm. Nãy giờ mình mới nói về các vị A-na-hàm mà tùm lum chuyện vậy đó. Vị A-na-hàm không còn thích và ghét trong năm dục nữa.

Đây là sáu thứ “trời ơi đất hỡi” mà nếu ta không bỏ được thì ta không có cách chi chứng được A-na-hàm hết.

1. Bất tín

Tự điển có hai loại: tự điển ngôn ngữ và tự điển chuyên môn. Tự điển ngôn ngữ là những từ mình xài trong đời sống. Còn tự điển chuyên môn là trong một lĩnh vực đặc biệt nào đó, mà nếu người không học thì không hiểu.

Thí dụ Việt Nam mà một người không học toán nghe chữ đạo hàm là gì không? Họ hiểu khai căn, ma phươg là cái gì? Cho nên cũng là người Việt Nam, nghe được, viết được mà không hiểu nói cái gì hết.

Ở đây chữ “bất tín” trong từ Hán Việt là người không giữ tín nhiệm, người không tin được. Nhưng trong chỗ này thì chữ “bất tín” không phải vậy, mà là người thiếu chánh tín. Thiếu chánh tín là thiếu niềm tin trong trí tuệ, thiếu niềm tin dựa trên cơ sở của chánh kiến.

Mà chánh kiến gồm có hai:

Một là tin rằng mọi sự ở đời do duyên mà có. Thí dụ mọi hỷ lạc do duyên lành, duyên thiện mà có. Mọi khổ ưu do nhân ác mà có. Chánh kiến về nghiệp lý.

Thứ hai là đã có rồi phải bị mất. Chánh kiến về Tam tướng.

Đó là chánh kiến nói gọn. Trong kinh, chánh kiến có chỗ kể năm, có chỗ kể hai.

Ở đây nói rộng thì chánh kiến có thể kể điều kiện thứ ba là chỉ có nếp sống Tứ niệm xứ mới giải quyết được thiện - ác, buồn - vui, tức là sống chánh niệm, sống Bát Chánh Đạo.

Như vậy chánh kiến nói gọn chính là trí tuệ trong Bốn Đế.

Còn chánh tín là gì? Chánh tín là niềm tin dựa trên trí tuệ ấy: trí tuệ trong Bốn Đế, trong 12 duyên khởi, trong Tam tướng.

Vậy chánh kiến là:

“Mọi khổ lạc đều do nhân thiện ác mà ra. Khổ lạc nào cũng là vô thường, vô ngã. Muốn hết khổ lạc thì không còn đầu tư thiện ác nữa”.

Những niềm tin nào dựa trên trí tuệ ấy thì niềm tin đó mới gọi là chánh tín. Chánh tín là niềm tin dựa trên trí tuệ Bốn Đế. Còn người không có chánh tín thì gọi là bất tín.

2. Không tà, không úy

“Tà” là thẹn. Trong tiếng Hán có chữ “liêm sỉ”: “liêm” là sạch, “sỉ” là mắc cỡ. “Liêm sỉ” là thẹn.

Nhiều vị cũng muốn dịch chữ “tà” là “liêm sỉ” thì tôi lên tiếng là không nên. Bởi chữ liêm sỉ trong tiếng Hán và văn hóa Trung Quốc nghĩa nó nghèo lắm. Liêm sỉ nghĩa là biết thẹn khi mình làm chuyện bậy bạ theo quan điểm, chuẩn mực đạo đức của xã hội, văn hóa bầy đàn của nhân loại.

Nhưng xã hội của Hồi giáo không giống của Cơ Đốc, xã hội Cơ Đốc không giống xã hội Phật giáo, xã hội Phật giáo không giống xã hội cộng sản, xã hội cộng sản vô thần lại không giống xã hội tư bản, dân chủ.

Trong khi đó chữ “tàm” trong đạo Phật nghĩa nó không nghèo như vậy. Mà nó có nghĩa là “biết thẹn trước cái bậy của tam nghiệp”. Trong khi “liêm sỉ” là chỉ biết thẹn theo quan điểm xã hội, văn minh nhân loại thôi. Riêng “tàm” ở đây là biết thẹn với cái bậy của tam nghiệp. Nghĩa là chỉ một suy nghĩ thoáng qua trong đầu mình nó tào lao là mình biết thẹn.

Cái bất thiện có hai chỗ. Cái bất thiện mà tối về mình đứng trước gương mình nhìn mà không khinh mình thì nó khác. Có những cái bất thiện mà mình nhìn mình thấy kinh tởm, nó khác. Mình là thằng lừa đảo, lật lọng, nó khác; mình là thằng tham ăn, mê ngủ, nó khác. Cũng là bất thiện mà mỗi cái bất thiện nó khác.

Thì tàm là biết thẹn với cái bậy của tam nghiệp, có nghĩa là một suy nghĩ hèn quá nó làm cho mình biết thẹn. Còn cái liêm sỉ của ngoài đời là anh phải làm, phải nói cái gì đó nó được xem là bậy theo chuẩn mực đạo đức văn hóa của xã hội, của văn hóa bầy đàn.

“Úy” là biết sợ trước cái bậy của tam nghiệp.

Mình biết một hành động, một câu nói tội lỗi nó để lại hậu quả cho mình. Một suy nghĩ bậy bạ mình sợ là vì “đừng coi thường một suy nghĩ thoáng qua trong đầu”. Vì nếu nghĩ rằng suy nghĩ trong đầu không có gì đáng kể thì việc ta niệm Phật hay thiền định thì sao, cũng đều là trong đầu?

Nhiều người nói bố thí là phải cầm cái gì đưa ra chứ chỉ nghĩ trong đầu là không được. Đúng. Nhưng không phải vì vậy mà cho rằng tu là mọi thứ tu trong đầu, không cần đến tam nghiệp. Nghĩ vậy là sai! Bởi vì có những việc phải làm, làm thể hiện ra tay ra chân. Muốn thuyết pháp phải nói ra miệng. Muốn thính pháp phải lắng tai mà nghe. Nhưng không phải vậy mà coi thường “ý nghiệp”.

Mình niệm Phật cũng niệm bằng suy nghĩ vậy. Mình thiền định cũng là tu trong đầu mình. Cho nên không nên coi thường ý nghiệp.

Chữ “úy” đây là biết sợ, mà là biết sợ trước cái bậy của tam nghiệp. Họ thấy phải biết sợ khi phải làm cái chuyện hại mình, hại người. Phải biết sợ khi mình nói điều hại mình, hại người, làm tổn thương người, làm người phải đổ máu lệ rơi, họ sẽ không nói. Rồi cũng phải biết sợ cái suy nghĩ của mình làm nền cho thân và khẩu nghiệp.

Theo A-tỳ-đàm, cái suy nghĩ bậy hay là suy nghĩ tốt, nó thoáng qua nhưng nó sẽ trở thành thói quen trong kiếp sau mà mình không lường được, mà trước mắt là thói quen trong kiếp này. Thí dụ cái suy nghĩ mình không bỏ như nhỏ mọn, xin lỗi đừng giận, như cái tâm đàn bà, tò mò, để ý lút chút, lút chút. Mình không ngờ nó dở ẹc, vì người ta mang hình hài đàn bà thì suy nghĩ đàn bà, còn mình đàn ông thì không thể giống vậy, mà phải suy nghĩ khác chứ! Và một người nữ muốn làm đàn ông thì phải biết bỏ cái tâm đàn bà, cần phải bớt thích những cái rẻ tiền, hình thức; và cũng bớt ghét những cái không đáng để quan tâm. Thì phải như vậy mới là đàn ông.

Cho nên đừng coi thường những suy nghĩ trong đầu. Coi chừng chính những suy nghĩ trong đầu mình nó tạo ra những chuyện động trời mà mình không biết. Thí dụ nghiệp mang thân nữ thì 90% là nghiệp từ ý mà ra. Anh mang tâm thức đàn bà nên sau này anh mới mang hình hài đàn bà. Nhe!

Chữ “úy” có bốn:

Một là sợ lương tâm cắn rứt.

Hai là sợ tiếng đời dị nghị.

Ba là sợ pháp luật trừng trị.

Bốn là sợ kiếp sau sa đọa.

Bốn cái này không gọi là úy, là không tinh tấn.

Biếng nhác

Trong Phúng tụng và Thập thượng của Trường Bộ Kinh, ngài Xá Lợi Phất nói: “Mình có nhiều lý do để làm biếng. Sớm quá, trễ quá, nóng quá, lạnh quá, đói quá, khát quá, đi xa mới về và mình sắp đi xa”. Đây là những lý do để mình lười biếng.

Còn trong Tương Ưng Kinh, Phật dạy: một tỳ-kheo luôn luôn tu tập trong tâm trạng của người phui lửa trên tóc. Lửa mà rớt trên tóc phải phui lẹ, khẩn trương, rồ ráo, cấp tốc như thế nào thì vị tỳ-kheo cũng phải tu tập giống như hành động trong tâm trạng rồ rết, quyết liệt, khẩn cấp như vậy. Nhớ nhe!

Khi mình có chuyện quan tâm thì mình không thể tà tà. Ngài Xá Lợi Phất nói có những lý do mà người phàm thích lười biếng: “Sớm quá, trễ quá, nóng quá, lạnh quá, đói quá, khát quá và sắp đi xa hay đi xa mới về”. Mình giờ còn thêm lý do nữa là bệnh mới hết, nghỉ. Mình mới làm công việc xong, nghỉ. Sắp làm việc nặng nhọc, nghỉ. Coi như là rất nhiều lý do để mình lười biếng. Trường hợp này gọi là biếng nhác.

Thất niệm

Không thường xuyên sống với chánh niệm thì gọi là thất niệm.

Trong room thử đi. Bữa nào mình không phải đi làm thì thử một ngày, ở tại nhà nếu được. Còn nếu ồn quá thì đi về chùa, kiếm nhà bạn hoặc vô đại trong rừng sống chánh niệm một ngày. Chuẩn bị một túi thức ăn. Tốt nhất là rủ thêm bạn đồng tu, cùng chí hướng, để nguyên một ngày sống chánh niệm. Người ta đi camping, còn mình thì sống chánh niệm dã ngoại.

Tức là đi đứng thong thả, từ từ. Ngồi xuống phui quét đám lá khô, trải tấm ngồi, mà làm mọi việc bằng sự tỉnh thức. Đi lượm mấy nhánh củi khô nhỏ nhỏ đem ra chỗ trống, coi chừng cháy rừng, đốt lửa bằng chánh niệm, bỏ ấm lên, xuống suối lấy nước nấu

cơm, nấu mì gì đó, pha trà thông thả. Tất cả làm gì đó ta làm trong chánh niệm hết. Thử một lần đi, nó đã lắm.

Chánh niệm hay ở chỗ là khi anh sống bằng chánh niệm thì anh nhận ra rất nhiều chuyện mà đó giờ anh không thấy. Thí dụ về thân xác, khi anh sống chánh niệm 100% thì anh sẽ nhận ra anh có vấn đề ở đâu: ở eo, ở hông, ở vai, ở cổ, ở hai thái dương, ở tim. Có gì biết hết. Lúc đó mình mới thấy cái thân này đúng là của nợ, lâu nay thất niệm mình không thấy.

Giờ tới cái tâm, thấy hồi vui hồi buồn, hồi thiện hồi ác, hồi sướng hồi khổ. Nhưng nếu coi kỹ lại thì cái buồn nó nhiều hơn cái vui, cái khổ nhiều hơn cái sướng và cái ác nhiều hơn cái thiện. Tin tôi đi, tin tôi đi. Yeah! Lúc đó mình nhận ra nhiều chuyện đặc biệt lắm: ồ, thì ra mình là vậy.

Khi mình thấy mình như vậy thì ý niệm “tôi” và “của tôi” nó giảm đi nhiều lắm. Chuyện đầu tiên là qua đó mình thấy cái thân này không phải là của mình. Mình không kể chuyện bị tấn công từ bên ngoài là bị tai nạn, bị ám sát, những tai bay họa gởi từ bên ngoài vào, mà chỉ kể từ bên trong. Nó khủng, nó bệnh một cái là nó kết thúc! Mà chuyện đó chỉ diễn ra trong vòng tích tắc ba phút là xong, xong một kiếp người. Nhe! Còn về tâm thì ôi thôi, đủ thứ bệnh hết.

Cái thân này, sở dĩ mình quan tâm đến danh lợi là tại vì chưa một lúc nào mình ngồi xuống để thấy rằng cái thân tâm này thật sự không phải của mình. Ở đây tôi không phải làm con két chùa mà nói. Thật sự nó dễ ẹc hà quý vị. Muốn cho nó mất thì dễ ẹc hà.

Ai mà đi Honda, xe gắn máy, thì biết. Mình cán cùi bắp, hoặc thẳng nào đi trước mình cán cùi bắp mà nó chao nghiêng một phát ngoài xa lộ tốc độ cao là... xong! Thẳng đi trước cán đỉnh là mình đi phía sau là “rước” nó luôn. Chỉ cần nó sụp ổ gà, nó cán đỉnh một phát, phía sau mình nhào tới là hai đứa thành “một”. Trên trời không biết có làm chim liền cánh không, nhưng mà dưới đất hai đứa là cây liền cành rồi đó!

Rồi ăn uống mấy thứ độc hại, phân bón, thuốc trừ sâu... Đời sống rất là mong manh, muốn chết dễ ẹc à, ghen! Cái thân mình, cái mạng mình có thể bị quyết định bởi những cái không ra gì. Đó là cái mạng mình.

Còn cái tâm mình, phải nói mình đâu muốn buồn gì, đâu muốn lo, muốn giận gì. Phải đúng vậy không? Mình đừng bận tâm ai đang nói mà hãy coi coi người ta đang nói cái gì. Các vị cứ sống chánh niệm mới thấy thực ra mình xấu dữ lắm, cái tâm mình nó ác dữ lắm. Cái thân mình thì khổ triền miên, còn cái tâm thì bất thiện.

Mà khi mình thấy cái thân mình phù du, thấy tâm mình tồi tệ thì cái tôi mình bớt đi nhiều lắm. Chính vì một thời gian rất lâu mình cứ ngồi ảo tưởng, dẹt mộng về nó, mình thấy mình là cái gì đó hay lắm, ngon lắm, nên từ đó mới sinh đủ sự.

Trong Kinh, Đức Phật dạy một tỳ-kheo phải nhớ mình giống như con cua gãy càng, một con bò gãy sừng, như một người nô lệ. Bằng tâm trạng đó mình mới chịu đựng được sự chà đạp của cuộc đời. Cũng biết bao nhiêu bậc hiền thánh Đông và Tây đều dạy mình: “Tâm trạng tử tù là thứ tâm trạng tốt nhất để ta...”

“Thành nhân”.

Nghĩa là mình biết mình bị tuyên án tử, sắp dựa cột, sắp ngồi ghế điện, sắp bị chích thuốc độc, thì nếu có ai chửi mình, mình cũng nguội ngất.

Tôi biết tử tù ở VN đa phần đêm thức ngày ngủ, tại vì bắt trốn từ những ngày đầu lâu dần thành nếp, là những cuộc trả án xử tử đều làm từ lúc rạng sáng. Mà khổ cái là nó chỉ được báo phút cuối. Thí dụ 4 giờ sáng nghe gõ cửa kêu đi trả án, nó cho cái mâm, trong đó có một cái bánh bao, một chai nước, một trái táo, trái chuối gì đó, có chụp hình tôi có thấy, là coi như xong.

Có nhiều tên run bắn lên, tiểu trong quần luôn các vị biết không. Mà hồi đó nó đậm, nó chém người, nó không tiếc tay. Bây giờ bị xốc nách, cả người nó như cọng bún. Có đứa thì khóc, có đứa xiu luôn.

Tại sao tôi chịu khó kể như vậy? Không vô ích đâu. Tôi cho các vị thấy, những thằng tù mà biết những chuyện tôi vừa kể đó, nó sống bằng tâm trạng ngộ lắm, thì mình cũng vậy. Khi mình biết mình là một bệnh nhân ung thư kỳ cuối, mình biết mình là tên tử tù sắp thi hành án, là người đang bị pháp luật truy nã, đang bị kẻ thù truy sát, thì đây là những hạng người có khả năng chịu đựng rất lớn, và niềm đam mê hưởng thụ vớ vẩn không còn nữa, là bởi vì họ đang đối diện với vấn đề cực lớn của cuộc đời họ.

Một người muốn tu hành cho tới nơi tới chốn cũng phải sống trong tâm trạng đó. Sống bằng cách phải luôn luôn nhớ rằng sống nay chết mai, đừng tin vào phán xét của bác sĩ nói anh còn khỏe, còn sống lâu.

Có trường hợp khám sức khỏe định kỳ 6 tháng một lần, có ông đó xui một chỗ là vừa khám xong thì bệnh của ông mới phát mà không biết. Ông mới khám tuần rồi, bác sĩ nói ông ok. Nhưng xui là họ đâu khám được cái tiền triệu chứng, trừ trường hợp bác sĩ quá giỏi hoặc mình quăng một số tiền quá lớn thì họ mới làm kỹ.

Chớ phần đông họ khám, tôi đi hoài tôi biết, thì đo máu, phân, nước tiểu, tim mạch, hả họng ra “a, a, ô, ô”... rồi xong. Khi nào thấy gì lạ lạ mới phán, chớ còn banh con mắt, vạch lỗ tai, vạch lỗ mũi, ô, a rồi đuổi về. Chỉ vậy thôi. Khi ông về một tuần lễ thì bệnh phát. Trễ!

Cho nên không có một thầy, bà, bác sĩ nào bảo đảm rằng quý vị sống được 90 tuổi hết trơn, nghe! Nên kể từ hôm nay cứ nhớ chừng, nhớ là mình có thể “đi” bất cứ lúc nào. Cái mạng mình, đầu mình kỹ cách mấy, chỉ có 50% thôi, còn 50 là từ những yếu tố từ bên ngoài đánh vào: thức ăn, dưỡng khí, tai nạn... Mình khó nói lắm!

Sống mà không chánh niệm, mình không ngờ rằng mình khổ như vậy. Không ngờ rằng tâm mình bất thiện như vậy. Khi ta luôn luôn ý thức thân này luôn khổ, tâm này luôn bất thiện; hoặc quán chiếu cách khác: “Thân này thường chịu quả xấu, tâm này thường gây nhân xấu”.

Chỉ nhớ bao nhiêu là đủ tu rồi. Khi chánh niệm, đi biết rõ là đang đi, đứng, nằm, ngồi, làm việc gì cũng biết rõ. Lúc đang đi như vậy, có một tâm bất thiện là tham, là sân, là si, ganh tị, bòn xén, ghen ghét, tị hiềm, nếu người ta giỏi người ta sẽ gọi đích danh cái đó là gì; còn mình dốt thì không cần. Chỉ cần có cái tâm bất thiện, mình biết, mình phán: nhân xấu!

Đang đi, nghe nó đau nhức, khó chịu thân tâm, mình gọi: quả xấu. Thấy tâm bất thiện, mình niệm liền: nhân xấu. Thấy thân có vấn đề, niệm liền: quả xấu. Cả ngày luôn niệm hai cái này, cả ngày chỉ bao nhiêu đó thôi, nghe!

Ác tuệ

Trong Chú giải ghi rất rõ, ác tuệ đây có nghĩa là không có tuệ, chứ không phải cái tuệ nó ác. Ác tuệ là không có trí. Không có trí là không có trí trong lý nhân quả, không có trí trong lý tam tướng. Là không biết hạnh phúc nào cũng do nhân lành, đau khổ nào cũng do nhân xấu.

Không biết rằng mọi thứ ở đời do duyên mà có.

Thứ hai, biết rằng đã có rồi thì phải mất.

Thứ ba là sống trong ác dứt khoát phải khổ, sống trong thiện đương nhiên phải lạc. Mà khổ hay lạc, thiện hay ác đều là trong cõi sanh tử. Muốn không còn sanh tử nữa thì phải nhàm chán cả bốn thứ thiện - ác, buồn - vui.

Nhàm chán đây không có phải là mình bỏ cái thiện, mà nhàm chán là sống chánh niệm và chờ đủ duyên để chứng Thánh. Giống như mình lớn, mình được ăn học, được giáo dục, mình biết ăn, học không phải chuyện lớn nhất trên đời, mình biết chớ. Hồi nào chưa biết Đạo, mình muốn ăn ngon, muốn mặc đẹp, muốn sang, muốn chảnh, muốn bánh, muốn bao. Bây giờ mình biết rồi. Tuy nhiên, mình biết chuyện ăn mặc không quan trọng nhưng mình có nên ăn mặc không ta? Hình như nên phải không?

Thì hành giả cũng vậy. Khi hành giả thấy được rằng thiện - ác, buồn - vui đều là nhân sanh tử, tuy nhiên ta vẫn phải làm thiện, lánh ác, là vì nếu đủ duyên thì ngay đời này ta chứng Thánh; còn nếu không, thì chính nhờ ta hành thiện, lánh ác, đời sau sanh ra ta lại có điều kiện tiếp tục tu học tốt.

Còn đấng này nếu bây giờ không hành thiện, lánh ác thì đời sau sanh ra làm giun, làm dế; làm con người thì nghèo đói tơi tả, nội giết lộn với miếng cơm manh áo đã hết kiếp người rồi. Phải nhớ cái đó.

“Cái khó nó bó cái khôn”. Nhiều người nghe “cái khó ló cái khôn”, họ ham. Họ không hiểu là cái khó nó ló cái khôn là trong trường hợp kẹt quá thì nó bật cái sáng kiến ra. Nhưng đó là một chuyện khác. Còn cái khó “bó” cái khôn là nghèo quá, đâu nó bị đờ. Trường hợp này có đó.

Người đó hoàn toàn có thể là một thi sĩ lớn, một văn sĩ lớn, một nhạc sĩ lớn, một diễn viên ngon lành, bla bla bla... Nhưng bây giờ trước mắt là không được ai đỡ đầu, đói như chó vậy, ăn rồi đi bán vé số, chỗ nằm chỗ ngủ không có, che mấy miếng ni lông ngủ dưới gầm cầu, ngủ ở xóm ổ chuột, bệnh không có thuốc uống, áo rách tả tơi, cầm cọc vé số đi bán. Các vị tưởng tượng nó khổ như vậy thì hỏi tu là tu cái gì? Làm sao mà thiện? Phải buông hết mà đi thôi, chớ tiếp tục sống vậy làm sao mà tĩnh tâm quý vị? Nghe!

Nên ở đây phải nhớ, trí tuệ nó gồm có hai:

Một là người trí thấy rằng thiện - ác, buồn - vui đều là thế giới của nhân duyên, mọi thứ do duyên mà có.

Thứ hai, có rồi phải mất.

Thứ ba, tuy thấy mọi thứ đều vô ngã, vô thường, nhưng ta vẫn tiếp tục hành thiện, lánh ác để, một là đủ duyên thì chứng Thánh đời này. Hai là nếu vô duyên, không đủ phước báo ba la mật để chứng Thánh, thì ít nhiều ta cũng dọn đường cho kiếp sau.

Có mấy người trong Facebook vô nỡ, nói tu là không cần quả nhân thiên, tu là không cần giàu. Tôi thù nhứt cái đó. Dốt mà đòi làm thần tiên. Đúng là mình tu không cần sung sướng. Nhưng anh phải có phước báo để anh sanh ra,

Làm ơn có trí thông minh một chút, chớ đờ cái đầu quá thì học cái gì? Rồi anh phải có chút phước báo để thân anh đừng có bệnh, chớ bệnh ngăn ngại, ngăn ngại đời này qua đời khác cũng khổ. Nghĩa là anh phải có sức khỏe rồi có trí thông minh. Chưa hết, anh phải có tí phước để không phải vật lộn với miếng cơm manh áo. Anh còn phải có phước để tránh mấy cái họa lắt nhắt. Thí dụ như bị vu oan, bị nói xấu, bị đổ thừa. Mấy cái nghiệp đó là do cái nhân ngược lại. Thí dụ như: tại sao mình bị cái đó ta, sao mình bị người ta nói xấu? Tại hồi đó mình nói xấu người khác, mình từng đâm thọc, mình từng có ý hại người, bây giờ cái quả nó trở ngược lại mình, nghe.

Cho nên mình phải lánh ác hành thiện để đời sau, khi mình gặp được Chánh pháp, mình đủ trí để hiểu cái điều không ai hiểu. Nhiều khi nguyên một đám đông “ai cũng hiểu, chỉ một thằng không hiểu”. Tôi sợ nhất là cái màn đó. Ít nhất là chỉ một thằng hiểu trong khi không ai hiểu, cái đó còn đỡ. Còn cái thứ mà ai cũng hiểu, chỉ một hai người không hiểu thì chết luôn!

Cái thứ hai, trí tuệ mình không phát huy đúng mức là bởi vì mình nghèo quá, mình bệnh nhiều quá, hoặc là xui xẻo trong đường gia đạo, lận đận trực trặc trong tình duyên, hôn nhân nó không ra gì hết. Thà là độc thân suốt mùa kháng chiến, hể hườn thì tu hành; còn không, có mái ấm thì phải ra hồn. Còn xui mà lấy nhầm thằng chồng hoặc con vợ tào lao thì mình không đủ điều kiện để mình bỏ mình đi. Tui ớn nhất thứ công nó về, ở không xong mà buông không được vì mình không đủ phước. Phải lệ thuộc, hai đứa tựa nhau mà sống, ăn rồi trở mặt chửi bới nhau banh xác như địa ngục trần gian, chén bay đĩa bay, rồi cứ ngày ngày vào ra chạm mặt, hì hục đẻ con, đẻ xong rồi đánh lộn, rồi chửi gậy mày tao. Khổ suốt mùa như vậy! Khổ quá!

Cho nên cái trí đây là thấy thiện ác, buồn vui đều là vô ngã, vô thường, đều là nhân sanh tử, nhưng ta cũng phải lánh ác hành thiện để có một cuộc sanh tử cho nó ok một

chút. Ok đây không phải để hưởng, mà là để có đủ điều kiện khi mà gặp được Chánh pháp, gặp gỡ được chư Phật. Nghe!

Giảng được hai kinh đã hết thời gian rồi.Ồ, vô cùng xin lỗi bà con, ngày mai chúng tôi có việc không giảng được. Chúng tôi sẽ giảng bù một ngày nào, mà bù đây không phải cho quý vị, mà là bù cho tôi. Bù như vậy để bộ kinh đi nhanh hơn. Cứ sợ là không đủ thời gian, quý vị biết không? Mà khi mình giảng cần mẫn, chí thú thì một bài kinh mình giảng rất chậm. Còn giảng lướt lướt, phớt phớt thì lòng không yên. Cái nữa, mình nghĩ sau này in lại bài giảng, nên bây giờ giảng kỹ để mai mốt đỡ cực. Dĩ nhiên bài giảng của tôi thì tôi cắt, chớ của tôi mà quý vị cắt dùm thì nó khổ lắm. Nghe! Tôi năn nỉ đừng làm chuyện đó, bởi vì con tôi đẻ ra dù có bị sút môi cũng là con của tôi. Chớ đẻ ra mà quý vị giựt trên tay bà mẹ, quý vị đem qua Nam Hàn, quý vị chỉnh sửa tùm lum tà la hết, thì về tui nhìn không biết ai, tui khó chịu lắm, nghe! Chưa kể quý vị đưa lộn con ông hàng xóm còn mệt nữa!

Ok, chúc các vị một ngày vui, một đêm an lành, vô lượng an lạc. Và cứ sau mỗi buổi thính pháp thế này, mình hồi hướng cho thân nhân đã quá vãng như ông bà, cha mẹ, anh em, bạn bè, người nào mình thương, mình cũng mong cho họ được sống trong hào quang của Chánh pháp, của trí tuệ, tìm được đường sáng để đi. Có được tâm sáng để đi đúng đường sáng, tìm về cõi sáng. Nhớ nghe. Chúc các vị một ngày vui.